

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 10 – 3 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Thanh D, sinh năm 1983 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn B1, sinh năm 1963 (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 11 năm 2020 – *có mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp Y, xã P, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987; cư trú tại Ấp 11, xã L, huyện 2, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị Cẩm T2, sinh năm 1984 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn B1, sinh năm 1963 (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 02 năm 2021 – *có mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp Y, xã P, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2020, bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2020 của nguyên đơn anh Phan Thanh D và trong quá trình xét xử ông Dương Văn B1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/10/2019, chị Nguyễn Thị T1 gặp anh D hỏi vay tiền. Do tin tưởng, anh D đồng ý dùng tiền của cá nhân cho chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, loại vay không kỳ hạn; lãi suất thỏa thuận thực tế là 8%/tháng, lãi suất ghi trong giấy là 0,8%/tháng. Giấy vay tiền do chị T1 viết và ký tên bên người vay tiền, anh D ký tên bên người cho vay, chị Dương Thị Cẩm T2 (vợ anh D) ký tên người làm chứng.

Thực hiện hợp đồng, chị T1 trả lãi được 03 tháng số tiền 7.200.000 đồng thì ngưng trả.

Do chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi kéo dài nên anh D nhiều lần đến đòi trả tiền vốn và lãi nhưng chị T1 khác hẹn không trả.

Nay, anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T1 có trách nhiệm trả lại cho anh D số tiền vốn 30.000.000 đồng. Đối với tiền lãi đồng ý tính lại theo mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (thời điểm theo đơn khởi kiện) và khấu trừ vào trong số tiền lãi đã trả và tiền vốn. Trường hợp, tiền lãi phải trả cao hơn tiền lãi đã trả thì chỉ yêu cầu chị T1 trả vốn, không phải trả tiền lãi chênh lệch và tiền lãi phát sinh tiếp theo trong hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 12 năm 2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Cẩm T2 và trong quá trình xét xử ông Dương Văn B1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thông nhất lời trình bày của anh D, số tiền 30.000.000 đồng là tiền cá nhân của anh D. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị T1 trả tiền cho anh D theo yêu cầu khởi kiện. Chị không yêu cầu hoặc đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh D và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Thúy đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục xét xử:* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T1 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ vay tài sản số tiền 30.000.000 đồng, loại vay không kỳ hạn, lãi suất 08%/tháng theo Giấy vay tiền viết tay ngày 20/10/2019 giữa anh D và chị T1 (BL: 06) là đúng quy định tại các điều 117, 119, 463, 464 Bộ luật Dân sự về điều kiện năng lực chủ thể, ý chí, mục đích, hình thức của giao dịch dân sự và chuyển giao quyền sở hữu tài sản vay nhưng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự về lãi suất vay.

[2] Xét ý kiến của anh Dũng đồng ý tính lại tiền lãi phải trả theo mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và khấu trừ vào trong số tiền lãi đã trả và tiền vốn; trường hợp tiền lãi phải trả cao hơn tiền lãi đã trả thì chỉ trả vốn, không phải trả tiền lãi chênh lệch và tiền lãi phát sinh tiếp theo trong hợp đồng là phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho chị T1. Thời gian từ ngày 20/10/2019 đến ngày 10/3/2021 (xét xử sơ thẩm) là 1,28 năm. Nên số tiền lãi phải trả là 7.680.000 đồng (30.000.000 đồng x 20%/năm x 1,28 năm) cao hơn số tiền lãi đã trả 7.200.000 đồng. Ghi nhận ý kiến của anh D, sau khi khấu trừ chị T1 không phải trả số tiền lãi chênh lệch 480.000 đồng.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh D và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chị T1 trong vụ án. Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự, Tòa án giải quyết chị T1 có trách nhiệm trả cho anh D số tiền 30.000.000 đồng; kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 30.000.000 đồng thì chị T1 còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các đoạn [1], [2], [3] Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D và ý kiến của chị Cẩm T2 giải quyết theo hướng đã nhận định nêu trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của anh D được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án giải quyết:

[1] Chị T1 phải chịu án phí số tiền 1.500.000 đồng.

[2] Hoàn trả lại cho anh D được nhận lại số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh D:

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho anh Phan Thanh D số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án anh Phan Thanh D có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng thì người phải thi hành án chị Nguyễn Thị T1 còn phải trả lãi chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải nộp án phí số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho anh Phan Thanh D được nhận lại số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số No 001693 ngày 30 tháng 11 năm 2020.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Dương Văn B1. Vắng mặt anh Phan Thanh D, chị Nguyễn Thị T1, chị Dương Thị Cẩm T2. Báo cho ông B1 có mặt biết có quyền đại diện cho anh D, chị Cẩm T1 kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh D, chị T1, chị Cẩm T2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + ĐD.NĐ + BĐ + NLQ + ĐD.NLQ: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân